



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HOÀNG THỊ LOAN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 40

114

ÔNG

HIỆN

M 1

V

UNC

N. 20

CÔ

D

HỒ

TP.V

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Du	Thành viên
Ông Phan Văn Trang	Thành viên
Ông Ngô Việt Hậu	Thành viên
Ông Phan Minh Đức	Thành viên (từ ngày 14/4/2022)
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên (trước ngày 14/4/2022)

Ban Giám đốc

Ông Ngô Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Ông Trần Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

35-1
TY
HỮU
DÂN
T
-1-

03248
NG TY
ỆT-M
NG THỊ
NH-T.N

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Ngô Văn Thanh

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Nghệ An, ngày 25 tháng 3 năm 2023

TT.N
BAN
THA NG

MSA
O
M.S.A

I-C
CP
AY
LOAN
CHẾ P

Số: 51/2023/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/3/2023, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Thị Loan tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1436-2023-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Lưu Thị Hồng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

4837-2019-055-1

0324
C
CHI
KI
AN
TR

0324

IG T
T-N
G TH

4-T.N

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.097.779.660	197.400.623.262
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	24.187.887.935	40.242.807.906
1. Tiền	111		13.916.668.655	30.140.444.913
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.271.219.280	10.102.362.993
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.825.372.830	3.789.477.891
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9.2	15.825.372.830	3.789.477.891
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.984.758.737	83.161.531.354
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	42.962.996.825	63.646.632.518
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.574.964.024	23.764.555.665
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9.1	1.100.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.949.766.271	1.387.232.552
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.602.968.383)	(5.636.889.381)
IV. Hàng tồn kho	140		176.405.531.127	69.925.302.146
1. Hàng tồn kho	141	11.1	196.434.654.098	71.343.357.229
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	11.2	(20.029.122.971)	(1.418.055.083)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.694.229.031	281.503.965
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.1	836.397.861	281.503.965
2. Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	152		2.970.531.349	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16.2	887.299.821	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		170.102.133.422	148.092.696.396
I. Tài sản cố định	220		136.742.202.737	144.823.339.237
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	136.742.202.737	144.823.339.237
- Nguyên giá	222		342.785.757.911	331.959.330.068
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.043.555.174)	(187.135.990.831)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		484.000.000	484.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(484.000.000)	(484.000.000)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		31.300.000.000	2.300.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	9.3	30.000.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9.3	1.300.000.000	1.300.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	1.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.059.930.685	969.357.159
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.2	2.059.930.685	969.357.159
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		436.199.913.082	345.493.319.658

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		331.933.554.235	243.073.829.281
I. Nợ ngắn hạn	310		259.760.293.645	194.853.529.630
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	10.835.805.456	22.756.161.499
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.457.504.355	2.429.644.720
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.1	600.149.461	2.510.716.627
4. Phải trả người lao động	314		3.334.690.681	10.284.739.260
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.233.967.011	2.918.188.117
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	97.481.819.280	1.390.149.602
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.1	142.589.515.981	148.436.609.877
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	-	4.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		226.841.420	127.319.928
II. Nợ dài hạn	330		72.173.260.590	48.220.299.651
1. Phải trả người bán dài hạn	331		4.815.136.815	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.2	67.358.123.775	48.220.299.651
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		104.266.358.847	102.419.490.377
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	104.266.358.847	102.419.490.377
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20a	55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	14.904.992.800	14.904.992.800
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	28.014.779.899	27.777.952.653
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20b	6.346.586.148	4.736.544.924
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.026.063.186	(48.607.179.552)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.320.522.962	53.343.724.476
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		436.199.913.082	345.493.319.658

Người lập biểu



Trần Thị Lưu

Kế toán trưởng



Lê Thị Mỹ Linh

Nghệ An, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc
phụ trách

Ngô Văn Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	704.033.428.030	797.004.190.135
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	704.033.428.030	797.004.190.135
4. Giá vốn hàng bán	11	23	644.136.920.417	661.946.187.988
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		59.896.507.613	135.058.002.147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.862.039.280	5.714.894.936
7. Chi phí tài chính	22	25	23.609.061.692	14.762.523.727
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.449.960.256	11.477.392.769
8. Chi phí bán hàng	25	26.1	25.662.976.892	47.353.959.503
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.2	15.388.826.602	24.894.753.853
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		97.681.707	53.761.660.000
11. Thu nhập khác	31	27	2.965.747.877	1.837.807.933
12. Chi phí khác	32	28	142.757.161	371.375.443
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.822.990.716	1.466.432.490
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.920.672.423	55.228.092.490
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	600.149.461	1.884.368.014
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.320.522.962	53.343.724.476
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	422	12.022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc

phụ trách



Trần Thị Lưu



Lê Thị Mỹ Linh



Ngô Văn Thanh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.920.672.423	55.228.092.490
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13	20.666.488.306	19.445.403.424
- Các khoản dự phòng	03		14.577.146.890	6.064.692.925
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.547.333.110	1.596.273.189
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24,27	(1.264.477.915)	(1.755.522.658)
- Chi phí lãi vay	06	25	14.449.960.256	11.477.392.769
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		52.897.123.070	92.056.332.139
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		35.615.815.643	(33.744.835.123)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(125.091.296.869)	3.940.454.601
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		80.603.435.447	7.869.558.750
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.645.467.422)	1.275.455.104
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.603.176.195)	(11.784.678.127)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(1.884.368.014)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(374.133.000)	(333.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.517.932.660	59.278.937.344
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	13	(12.585.351.806)	(20.543.998.337)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	27	69.090.909	1.297.327.265
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.135.894.939)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	9.3	(30.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		660.457.699	279.822.144
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(53.991.698.137)	(18.966.848.928)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	32.947.152.800
2. Tiền thu từ đi vay	33		636.094.045.894	661.126.684.054
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(624.613.194.677)	(705.671.061.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.480.851.217	(11.597.224.305)



0032

NG T

T-I

NG TH

H.T.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(15.992.914.260)	28.714.864.111
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	40.242.807.906	11.862.092.521
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(62.005.711)	(334.148.726)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	24.187.887.935	40.242.807.906

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc

phụ trách



Trần Thị Lưu

Lê Thị Mỹ Linh

Ngô Văn Thanh

920
TRẮC
K
A
BA481
Y C
MA
LO
NGH